

Bản án số: 12/2025/ST-HNGĐ
Ngày 17/01/2025
Về: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.

2/ Bà Dương Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Quang Đạo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mê Linh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thùy Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2024/HNGĐ - ST ngày 14 tháng 11 năm 2024. Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 20/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-HPT ngày 07/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1950.

HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1936.

HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà T.

Vắng mặt: Ông C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T trình bày:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C kết hôn với nhau trên C sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 02, Quyền số 29 ngày 28/5/1990. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, bà T và ông C về chung sống với nhau tại gia đình ông C; ở , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; chung sống một thời gian ngắn tại gia đình ông C thì bà T và ông C về chung sống tại gia đình T ở ; nơi có nhà do bà T làm trên đất của bố mẹ bà T để lại. Còn thỉnh thoảng mới về gia đình ông C khi có công việc của gia đình ông C. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ ngày 15/8/2010, đến nay mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bà T và ông C sống không hợp nhau; bất đồng trong quan điểm

trong việc dạy bảo con riêng của ông C; do con trai, con dâu và em ông C luôn có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T dẫn đến vợ chồng to tiếng và bất hòa, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không kết quả; chính quyền địa phương chưa hòa giải, vì bà T và ông C không có đơn yêu cầu. Do có mâu thuẫn sâu sắc nên bà T và ông C đã ăn ở riêng từ ngày 20/10/2024 đến nay, hai bên không còn quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông C.

2/ *Về con chung*: Vợ, chồng bà T và ông C không có chung.

3/ *Về tài sản*: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà, đất ở, đất nông nghiệp: Bà T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ *Về án phí sơ thẩm*: Giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra, bà T không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* *Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 14/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C trình bày*:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C và bà T kết hôn với nhau trên C sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 02, Quyền số 29 ngày 28/5/1990. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, bà T và ông C về chung sống với nhau tại gia đình ông C; ở , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; chung sống một thời gian ngắn tại gia đình ông C thì bà T và ông C về chung sống tại gia đình T ở ; nơi có nhà do bà T làm trên đất của bố mẹ bà T để lại. Còn thỉnh thoảng mới về gia đình ông C khi có công việc của gia đình ông C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bà T nói lại cho ông C biết là con gái ông C có lời nói không đúng với bà T; khi được nghe bà T nói lại, ông C đã nói lại cho các con biết và giáo dục các con không được như thế; ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Bà T cho rằng vợ chồng bất đồng trong quan điểm trong việc dạy bảo con riêng của ông C; do con trai, con dâu và em ông C luôn có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T, nhưng ông C không được biết. Các con ông C không có lời nói xúc phạm bà T; Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông C. Quan điểm của ông C là vợ chồng vẫn sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì sâu sắc; bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông C cũng không đồng ý.

2/ *Về con chung*: Vợ, chồng ông C và bà T không có chung.

3/ *Về tài sản*: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà, đất ở, đất nông nghiệp: Ông C xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ *Về án phí sơ thẩm*: Giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra, ông C không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .
- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Quy định về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T; bà T được ly hôn ông C.

- *Về con*: Không có con chung.

- *Về tài sản*: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Án phí ly hôn: Giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã, huyện Mê Linh; ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại , huyện Mê Linh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh theo qui định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục: Ông C hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú, thường xuyên có mặt tại gia đình; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa lần đầu và lần này ông C vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông C và dành quyền kháng cáo cho ông C theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] *Về hôn nhân*: Bà T và ông C kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 02, Quyển số 29 ngày 28/5/1990. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông C là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận; sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính bà T có lời khai xác định vợ chồng sống không hợp nhau; bất đồng trong quan điểm trong việc dạy bảo con riêng của ông C; do con trai, con dâu và em ông C luôn có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T dẫn đến vợ chồng to tiếng và bất hòa, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; Do hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn; do mâu thuẫn sâu sắc nên bà T và ông C đã ăn ở riêng từ ngày 20/10/2024 đến nay và hai bên không còn quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Ông C có lời khai xác định vợ chồng sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì; do bà T nói lại cho ông C biết là con gái ông C có

lời nói không đúng với bà T; khi được nghe bà T nói lại, ông C đã nói lại cho các con biết và giáo dục các con không được như thế; bà T cho rằng con trai, con dâu và em ông C luôn có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T, nhưng ông C không được biết; các con ông C không có lời nói xúc phạm bà T. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được; bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông C; việc ông C không đồng ý ly hôn là không thực tâm mà chỉ gây khó khăn cho bà T, nếu cứ để hôn nhân kéo dài cũng không có hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống là phù hợp.

[4.2] *Về con chung*: Vợ, chồng bà T và ông C không có con chung.

[4.3] *Về tài sản*: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Bà T và ông C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] *Về án phí sơ thẩm*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, bà T phải chịu. Theo quy định tại theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; “Khoản 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:...đ)...người cao tuổi..”; Theo Điều 2 Luật người cao tuổi “người cao tuổi được qui định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”; bà T nay 75 tuổi được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[4.5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 220, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về hôn Nhân*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

- Bà T được ly hôn ông C.

[2] *Về con chung*: Bà T và ông C không có con chung.

[3] *Về tài sản*: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Bà T và ông C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[5] □n xử sơ thẩm công khai bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- C quan nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huy Duệ